

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 98/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07-8-2019

“V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Chính

2. Ông Nông Hữu Dân

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Không tham gia phiên tòa

Ngày 07/8/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 992/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018 về việc “tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà La Kim Y - Sinh năm: 1978

Địa chỉ: Đường M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thái L – Sinh năm: 1971

Địa chỉ: Đường Q, phường T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà La Kim Y trình bày:***

Bà và ông Nguyễn Thái L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Bà và ông Nguyễn Thái L sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông L không

quan tâm chăm sóc gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mặc dù bà Y đã nhiều lần cố gắng nhẫn nhịn để gia đình êm ấm và hạnh phúc nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn ngày càng phát sinh căng thẳng dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2010 đến nay. Nay bà Y xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Nguyễn Thái L nữa nên đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Nguyễn Thái L .

Về con chung: Vợ chồng bà có 03 con chung là Nguyễn Anh T1, sinh ngày 27/10/1994; Nguyễn Anh T2, sinh ngày 15/02/1996; Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 25/8/1997. Hiện nay các con của bà đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng bà Y , ông L không nợ ai và không ai nợ vợ chồng bà Y, ông L .

*** Bị đơn ông Nguyễn Thái L** đã được Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột triệu tập nhiều lần nhưng ông L không đến Tòa án làm việc, do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của bị đơn và cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Thái L đã được Tòa án triệu tập họp lệ 02 lần nhưng ông L không đến Tòa án tham gia tố tụng, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thái L là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Bà La Kim Y và ông Nguyễn Thái L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993, mặc dù tại thời điểm chung sống bà Y và ông L đều có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Nên quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông L là không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận. Do đó, nay bà Y đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Y và ông L là vợ chồng là phù hợp theo quy định tại Điều 9, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận.

Về con chung: Bà Y và ông L có 03 con chung là Nguyễn Anh T1, sinh ngày 27/10/1994; Nguyễn Anh T2, sinh ngày 15/02/1996; Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 25/8/1997. Hiện nay các con của bà Y đã đủ 18 tuổi, bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

[3] Về án phí: Bà La Kim Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự
- Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội.

Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng của nguyên đơn bà La Kim Y. Không công nhận quan hệ giữa bà La Kim Y và ông Nguyễn Thái L là vợ chồng.

Về án phí: Bà La Kim Y phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà La Kim Y đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2017/0008496 ngày 20 tháng 11 năm 2019.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị My My